TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG

(SÁCH BÀI TẬP KINH TẾ VĨ MÔ – NXB KINH TẾ TP.HCM)

Câu 1: Quy luật tâm lý cơ bản Keynes cho rằng:

A. Tiêu dùng của các hộ gia đình sẽ luôn luôn gia tăng bằng mức gia tăng thu nhập.

B. Người ta sẽ tiết kiệm thêm nếu như thu nhập của họ cao hơn nhưng sẽ không tiết kiệm bất cứ điều gì nếu như thu nhập thấp hơn.

C. Người ta sẽ tiết kiệm một phần trong bất cứ gia tăng nào trong thu nhập.

D. Khi tiêu dùng gia tăng sẽ gia tăng thu nhập.

Giải thích:

Tiêu dùng của các hộ gia đình sẽ luôn luôn gia tăng nhưng ít hơn mức tăng thu nhập ($0 < MPC < 1$).

Nếu thu nhập giảm, người ta sẽ giảm tiết kiệm cho đến một mức nào đó sẽ không tiết kiệm nữa.

Người ta sẽ tiết kiệm một phần trong bất cứ gia tăng nào trong thu nhập: $\Delta Y_d = \Delta C + \Delta S$.

Khi thu nhập gia tăng, tiêu dùng sẽ gia tăng. Chiều ngược lại không chính xác.

Câu 2: Độ dốc của hàm số tiêu dùng được quyết định bởi:

A. Khuynh hướng tiêu dùng trung bình.

B. Tổng số tiêu dùng tự định.

C. Khuynh hướng tiêu dùng biên.

D. Không có câu nào đúng.

Giải thích:

Hàm tiêu dùng:

$$C = C_o + C_m.Y_d$$

Trong đó C_m chính là MPC: khuynh hướng tiêu dùng biên.

Câu 3: Nếu khuynh hướng tiêu dùng biên là một hằng số thì đường tiêu dùng có dạng:

A. Một đường thẳng.

B. Một đường cong lồi.

C. Một đường cong lõm.

D. Một đường vừa cong lồi vừa cong lõm.

Giải thích:

Hàm tiêu dùng:

$$C = C_o + C_m.Y_d$$

Nếu khuynh hướng tiêu dùng biên là một hằng số ($C_m = a$), thì hàm tiêu dùng:

$$C = C_o + a.Y_d \quad \text{(là đường thẳng)}$$

Câu 4: Tìm câu sai trong những câu sau đây:

A. MPC = 1 – MPS

B. MPC + MPS = 1

C. MPS = $\frac{\Delta Y_d}{\Delta S}$

D. Không có câu nào sai.

Giải thích:

Khuynh hướng tiết kiệm biên:

$$MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$$

Câu 5: Giả sử không có chính phủ và ngoại thương, nếu tiêu dùng tự định là 30, đầu tư là 40, MPS = 0,1. Mức sản lượng cân bằng là:

A. Khoảng 77 B. 430 ***C. 700*** D. 400

Giải thích:

Trong mô hình kinh tế giản đơn (không có chính phủ và ngoại thương, mức sản lượng cân bằng:

$$Y = Y_d = C + I = (C_o + C_m.Y_d) + I = 30 + 0,1Y_d + 40$$

$$\leftrightarrow \quad Y_d = 700$$

<u>Câu 6:</u> Số nhân của tổng cầu phản ánh:

A. Mức thay đổi trong sản lượng khi tổng cầu tự định thay đổi 1 đơn vị.

B. Mức thay đổi trong đầu tư khi sản lượng thay đổi.

C. Mức thay đổi trong AD khi Y thay đổi 1 đơn vị.

D. Không câu nào đúng.

<u>Giải thích:</u>

Theo khái niệm, số nhân (k) là hệ số phản ánh mức thay đổi của sản lượng cân bằng (ΔY) khi tổng cầu tự định (ΔA_o) thay đổi 1 đơn vị.

<u>Câu 7:</u> Nếu đầu tư gia tăng thêm một lượng 15 và khuynh hướng tiêu dùng biên là 0,8; khuynh hướng đầu tư biên là 0. Mức sản lượng sẽ:

A. Tăng thêm là 19. B. Tăng thêm là 27.

C. Tăng thêm là 75. D. Không có câu nào đúng.

<u>Giải thích:</u>

Ta có:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o = k.\Delta AD = k.\Delta I$$

Mà số nhân:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - 0,8 - 0} = 5$$

Nên mức sản lượng thay đổi:

$$\Delta Y = k.\Delta I = 5.15 = 75$$

Câu 8: Nếu có một sự giảm sút trong đầu tư của tư nhân 10 tỷ, $C_m = 0,75$; $I_m = 0$, mức sản lượng sẽ:

A. Giảm xuống 40 tỷ. B. Tăng lên 40 tỷ.

C. Giảm xuống 13,33 tỷ. D. Tăng lên 13,33 tỷ.

Giải thích:

Ta có:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o = k.\Delta AD = k.\Delta I$$

Mà số nhân:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - 0,75 - 0} = 4$$

Nên mức sản lượng thay đổi:

$$\Delta Y = k.\Delta I = 4.(-10) = -40$$

Câu 9: Một sự rò rỉ lớn hơn từ dòng chu chuyển kinh tế sẽ dẫn đến:

A. Số nhân lớn hơn.

B. Số tiền thuế của chính phủ nhiều hơn.

C. Khuynh hướng tiêu dùng biên lớn hơn.

D. Số nhân nhỏ hơn.

Giải thích:

Khi sự rò rỉ (tiết kiệm) lớn hơn từ dòng chu chuyển kinh tế, tức là khuynh hướng tiết kiệm biên (S_m) tăng sẽ làm cho khuynh hướng tiêu dùng biên (C_m) giảm (vì $C_m + S_m = 1$). Do đó số nhân sẽ nhỏ đi (do mẫu số $1 - C_m - I_m$ lớn hơn).

Câu 10: Số nhân của nền kinh tế đơn giản trong trường hợp đầu tư thay đổi theo sản lượng sẽ là:

A. $\frac{1}{(1 - MPC)}$

B. $\frac{1}{(1 - \text{MPS})}$

C. $\frac{1}{(1 - \text{MPC} - \text{MPS})}$

D. $\frac{\mathbf{1}}{(\mathbf{1} - \boldsymbol{MPC} - \boldsymbol{MPI})}$

Giải thích:

Số nhân của nền kinh tế đơn giản được tính bằng công thức:

$$k = \frac{1}{(1 - \text{MPC} - \text{MPI})}$$

Trường hợp đầu tư thay đổi theo sản lượng thì I_m (MPI) $\neq 0$, do đó số nhân của nền kinh tế đơn giản vẫn được tính bằng công thức trên.

Câu 11: Nếu MPS là 0,3; MPI là 0,1; khi đầu từ giảm bớt 5 tỷ, mức sản lượng sẽ thay đổi:

A. Giảm xuống 10 tỷ.

B. Tăng thêm 25 tỷ.

C. Tăng thêm 10 tỷ.

D. Giảm xuống 25 tỷ.

Giải thích:

Ta có:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o = k.\Delta AD = k.\Delta I$$

Mà số nhân:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - (1 - S_m) - I_m} = \frac{1}{1 - (1 - 0{,}3) - 0{,}1} = 5$$

Nên mức sản lượng thay đổi:

$$\Delta Y = k.\Delta I = 5.(-5) = -25$$

Câu 12: Nếu MPI là 0,2; sản lượng gia tăng 10 tỷ, vậy đầu tư sẽ gia tăng:

A. 0 tỷ B. 50 tỷ ***C. 2 tỷ*** D. Khoảng 5 tỷ

Giải thích:

Mức thay đổi của đầu tư:

$$\Delta I = I_m.\Delta Y = 0{,}2.10 = 2 \text{ tỷ}$$

Câu 13: Nếu tiêu dùng tự định là 45 tỷ, đầu tư tự định là 35 tỷ. MPI là 0,2 và MPC là 0,7. Mức sản lượng cân bằng là:

A. 800 tỷ B. 350 tỷ C. 210 tỷ D. 850 tỷ

Giải thích:

Mức sản lượng cân bằng được tính bởi công thức:

$$Y = \frac{1}{1 - C_m - I_m}.(C_o + I_o) = \frac{1}{1 - 0{,}7 - 0{,}2}.(45 + 35) = 800 \text{ tỷ}$$

Dùng thông tin sau đây để trả lời từ câu 14 đến câu 17.

Trong một nền kinh tế đơn giản chỉ có hai khu vực có các hàm số:

$C = 120 + 0{,}7Y_d$ $I = 50 + 0{,}1Y$ $Y_p = 1000$ $U_n = 5\%$

Câu 14: Mức sản lượng cân bằng:

A. 850 B. 600 C. 750 D. 1000

Giải thích:

Mức sản lượng cân bằng được tính bởi công thức:

$$Y = \frac{1}{1 - C_m - I_m}.(C_o + I_o) = \frac{1}{1 - 0{,}7 - 0{,}1}.(120 + 50) = 850 \text{ tỷ}$$

Câu 15: Tỷ lệ thất nghiệp tại mức sản lượng cân bằng:

A. 13,8% B. 20% ***C. 12,5%*** D. Không có câu nào đúng.

Giải thích:

Theo công thức OKUN, tỷ lệ thất nghiệp tại mức sản lượng cân bằng:

$$U_t = U_n + \frac{Y_p - Y}{Y_p}.\frac{100}{2} = 5 + \frac{1000 - 850}{1000}.\frac{100}{2} = 12{,}5\%$$

Câu 16: Giả sử đầu tư tăng thêm là 20. Vậy mức sản lượng cân bằng mới:

A. 870 B. 916,66 ***C. 950*** D. Không câu nào đúng

Giải thích:

Ta có:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o = k.\Delta AD = k.\Delta I$$

Mà số nhân:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - 0{,}7 - 0{,}1} = 5$$

Nên mức sản lượng thay đổi:

$$\Delta Y = k.\Delta I = 5.(20) = 100$$

Mức sản lượng cân bằng mới

$$Y' = Y + \Delta Y = 850 + 100 = 950$$

Câu 17: Với kết quả ở câu 16, để đạt được sản lượng tiềm năng, tiêu dùng phải thay đổi một lượng là:

A. 50 ***B. 10*** C. 15 D. Không câu nào đúng.

Giải thích:

Để đạt được sản lượng tiềm năng ($Y_p = 1000$) thì tiêu dùng phải thay đổi một lượng là:

$$\Delta C = \Delta AD = \frac{Y_p - Y'}{k} = \frac{1000 - 950}{5} = 10$$

Câu 18: Tại giao điểm của 2 đường AS và AD trong đồ thị 45^0:

A. Tổng cung hàng hóa và dịch vụ bằng tổng cầu hàng hóa và dịch vụ.

B. Tổng thu nhập bằng tổng chi tiêu.

C. Tổng sản lượng bằng tổng thu nhập.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Giải thích:

Tại giao điểm của 2 đường AS và AD thì:

$$AS = AD = Y = C + I = Y_d$$

**AS: tổng cung, AD: tổng cầu, Y: tổng sản lượng, C + I: tổng chi tiêu, Y_d: tổng thu nhập*

Câu 19: Chi tiêu đầu tư phụ thuộc:

A. Đồng biến với lãi suất.

B. Đồng biến với sản lượng quốc gia.

C. Nghịch biến với lãi suất.

D. Câu B và C đúng.

Giải thích:

Đầu tư có quan hệ nghịch biến với lãi suất (r) và đồng biến với sản lượng quốc gia (Y).

Câu 20: Khi nền kinh tế đạt được mức toàn dụng, điều đó có nghĩa là:

A. Không còn lạm phát.

B. Không còn thất nghiệp.

C. Vẫn tồn tại một tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp.

D. Cả A, B, C đều sai.

Giải thích:

Khi nền kinh tế đạt được mức toàn dụng, khi đó tỷ lệ thất nghiệp thực tế bằng tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên, tương ứng với tỷ lệ lạm phát vừa phải ($Y = Y_p$ và $U = U_n$).

Câu 21: Nếu hàm tiêu dùng là một đường thẳng:

A. Thu nhập khả dụng càng tăng thì tiêu dùng càng tăng.

B. Thu nhập khả dụng tăng thì tiêu dùng biên không đổi.

C. A và B đều đúng.

D. A và B đều sai.

Giải thích:

Hàm tiêu dùng là một đường thẳng:

$C = C_o + C_m.Y_d$ (C_o, C_m: không đổi)

Tiêu dùng có quan hệ đồng biến với thu nhập khả dụng và tiêu dùng biên (C_m) không đổi.

Câu 22: Tiêu dùng tự định là:

A. Tiêu dùng tối thiểu.

B. Tiêu dùng không phụ thuộc thu nhập.

C. Tiêu dùng tương ứng với tiết kiệm tự định.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Giải thích:

Hàm tiêu dùng:

$C = C_o + C_m.Y_d$

Tiêu dùng tự định (C_o) là tiêu dùng tối thiểu bởi khi thu nhập (Y_d) bằng 0 thì tiêu dùng (C) bằng tiêu dùng tự định.

Tiêu dùng không phụ thuộc thu nhập: Thừa số C_o không phụ thuộc vào thu nhập (Y_d).

Tiêu dùng tương ứng với tiết kiệm tự định: $|C_o| = |S_o|$.

Câu 23: Giao điểm của hai hàm tiêu dùng và tiết kiệm cho biết tại đó:

A. Tiêu dùng bằng tiết kiệm.

B. Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng.

C. Tiết kiệm bằng thu nhập khả dụng.

D. Cả A, B, C đều sai.

Giải thích:

Tại giao điểm (E) của 2 đường tiêu dùng (C) và tiết kiệm (S) thì tiêu dùng bằng tiết kiệm: C = S

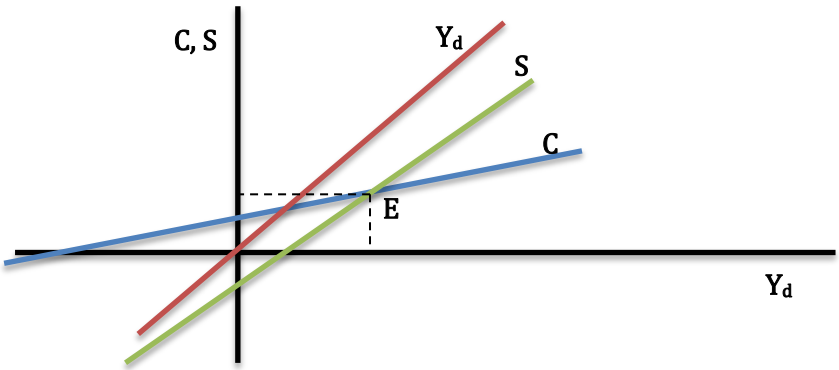

Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng: $Y_d = C$ khi $S = 0$. Đó là điểm giao nhau giữa đường tiêu dùng (C) với đường thu nhập khả dụng (Y_d).

Tiết kiệm bằng thu nhập khả dụng: $Y_d = S$, vậy $C = 0$: vô lý vì $C = C_o > 0$.

Câu 24: Thu nhập giảm làm cho tiêu dùng giảm, tiêu dùng giảm kéo mức thu nhập xuống, như vậy:

A. Thu nhập là biến số của tiêu dùng.

B. Tiêu dùng là biến số của thu nhập.

C. Thu nhập và tiêu dung đôi khi vừa là hàm số, vừa là biến số.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Giải thích:

Thu nhập giảm làm cho tiêu dùng giảm: Dựa vào hàm tiêu dùng $C = C_o + C_m.Y_d$ ta thấy tiêu dùng có quan hệ đồng biến, phụ thuộc vào thu nhập.

Tiêu dùng giảm kéo mức thu nhập xuống: Khi tiêu dùng (C) giảm sẽ khiến cho đầu tư (I) giảm theo, do đó sẽ làm sản lượng quốc gia (Y) giảm, vì thế thu nhập (Y_d) cũng giảm.

Câu 25: Tổng cầu tăng thêm (1) làm sản lượng tăng thêm, cuối cùng lượng cầu tăng thêm (2) bằng đúng sản lượng tăng thêm. Như vậy:

A. Tổng cầu tăng thêm (1) là ΔAD ban đầu.

B. Tổng cầu tăng thêm (2) là ΔAD cuối cùng.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Giải thích:

Dựa vào công thức:

$$\Delta Y = k.\Delta AD$$

Mà:

$$k = \frac{1}{1 - A_m}$$

Trong đó A_m là khuynh hướng chi tiêu biên. Giống như các chỉ tiêu biên khác, khuynh hướng chi tiêu biên cũng có xu hướng giảm dần về 0, do đó số nhân (k) sẽ tiến dần về 1.

Ban đầu, khi ΔAD làm Y tăng nhưng $\Delta AD \neq \Delta Y$ là do $0 < A_m < 1$.

Cuối cùng, khi $A_m = 0$, $k = 1$ thì $\Delta AD = \Delta Y$. Tuy nhiên, vì $A_m = 0$ nên tổng cầu không tăng nữa. Đây chính là lần tăng cuối cùng của tổng cầu.

Câu 26: Cho biết $k = \frac{1}{1 - C_m}$. Đây là số nhân trong:

A. Nền kinh tế đóng, không có chính phủ.

B. Nền kinh tế đóng, có chính phủ.

C. Nền kinh tế mở.

D. Cả A, B, C đều sai.

Giải thích:

Trong nền kinh tế đơn giản (nền kinh tế đóng, không có chính phủ), số nhân được tính bằng công thức:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m}$$

Nếu đầu tư không phụ thuộc vào sản lượng, $I_m = 0$ thì công thức trên trở thành:

$$k = \frac{1}{1 - C_m}$$

Câu 27: Điểm vừa đủ (điểm trung hòa) trong hàm tiêu dùng của công chúng là điểm mà tại đó:

A. Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng $C = Y_d$.

B. Tiết kiệm bằng không $S = 0$.

C. Đường tiêu dùng cắt đường 45^0.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Điểm vừa đủ (điểm trung hòa) chính là giao điểm của đường tiêu dùng (C) với đường thu nhập khả dụng (Y_d) - đường 45^0, do đó:

$C = Y_d$ và $S = 0$ (do $Y_d = C + S$)

Câu 28: Khuynh hướng tiêu dùng biên là:

A. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị.

B. Phần tiêu dùng giảm xuống khi thu nhập khả dụng giảm bớt 1 đơn vị.

C. Phần tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị.

D. Cả B và C đều đúng.

Giải thích:

Khuynh hướng tiêu dùng (C_m hay MPC) phản ánh mức thay đổi của tiêu dùng khi Y_d thay đổi 1 đơn vị:

$$C_m = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

Câu 29: Khuynh hướng tiết kiệm biên là:

A. Phần tiết kiệm tối thiểu khi $Y_d = 0$.

B. Phần tiết kiệm tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị.

C. Phần thu nhập còn lại sau khi đã tiêu dùng.

D. Phần tiết kiệm tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị.

Giải thích:

Khuynh hướng tiết kiệm biên (S_m hay MPS) phản ánh mức thay đổi của tiết kiệm khi Y_d thay đổi 1 đơn vị:

$$S_m = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$$

Còn:

- Phần tiết kiệm tối thiểu khi $Y_d = 0$: tiết kiệm tự định S_o.
- Phần tiết kiệm tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị: chính xác phải là khi thu nhập khả dụng tăng thêm bởi $Y_d = Y - T$.
- Phần thu nhập còn lại sau khi đã tiêu dùng: $S = Y_d - C$.

Câu 30: Trong nền kinh tế đơn giản (nền kinh tế đóng không chính phủ), với:

$C = 1000 + 0{,}75Y_d$ và $I = 200$ thì sản lượng cân bằng:

A. $Y = 1200$ B. $Y = 3000$ ***C. $Y = 4800$*** D. Không có câu đúng.

Giải thích:

Trong nền kinh tế đơn giản, sản lượng cân bằng:

$$Y = Y_d = C + I = 1000 + 0{,}75Y_d + 200$$

$$\leftrightarrow \quad Y = Y_d = 4800$$

Câu 31: Một nền kinh tế được mô tả bởi các hàm số:

$C = 1000 + 0,7Y_d$ và $I = 200 + 0,1Y$. Số nhân tổng cầu là:

A. k = 2 B. k = 4 ***C. k = 5*** D. k =2,5

Giải thích:

Số nhân tổng cầu:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - 0,7 - 0,1} = 5$$

Câu 32: Sản lượng cân bằng là sản lượng mà tại đó:

A. Tổng cung bằng tổng cầu.

B. Tổng chi tiêu mong muốn bằng tổng sản lượng sản xuất của nền kinh tế.

C. Đường tổng cầu (AD) cắt đường 45^0.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Điểm sản lượng cân bằng là chính là giao điểm của đường tổng cầu (AD) với đường tổng cung - đường 45^0 (AS), tại đó:

$$Y = AS = AD = C + I$$

Câu 33: Nếu hàm tiêu dùng có dạng $C = 1000 + 0,75Y_d$ thì hàm tiết kiệm có dạng:

A. $S = 1000 + 0,25Y_d$

B. $S = -1000 + 0,25Y_d$

C. $S = -1000 + 0,75Y_d$

D. Các câu trên đều sai.

Giải thích:

Ta có mối quan hệ giữa hàm tiêu dùng và hàm tiết kiệm:

$$S_m + C_m = 1 \quad \leftrightarrow \quad S_m = 1 - C_m = 1 - 0,75 = 0,25$$

và $$S_o + C_o = 0 \quad \leftrightarrow S_o = -C_o = -1000$$

Vậy hàm tiết kiệm:

$$S = -1000 + 0{,}25Yd$$

Câu 34: Nếu $Y < Y_{cb}$ thì:

A. $Y < AD$.

B. Tổng đầu tư thực tế < Tổng đầu tư dự kiến.

C. Tổng tiết kiệm nhỏ hơn tổng đầu tư dự kiến.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Nếu sản lượng thực tế nhỏ hơn sản lượng cân bằng ($Y < Y_{cb}$ hay Y_E) thì:

- Tổng tiết kiệm dự kiến nhỏ hơn tổng đầu tư dự kiến.
- $S_{dk} = S_{tt} = I_{tt} < I_{dk}$: tổng tiết kiệm nhỏ hơn tổng đầu tư dự kiến.
- $Y = AS < AD$.

Câu 35: Nếu mọi người đều gia tăng tiết kiệm, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi sẽ làm cho:

A. Sản lượng tăng.

B. Sản lượng không đổi.

C. Sản lượng giảm.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Khi mọi người gia tăng tiết kiệm (S↑) sẽ giảm tiêu dùng (C↓), do đó làm giảm tổng cầu - tổng chi tiêu (AD↓), vì thế sản lượng sẽ bị suy giảm (Y↓).

Câu 36: Các nhà kinh tế học cổ điển cho rằng đường tổng cung (AS):

A. AS thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng.

B. AS nằm ngang.

C. AS dốc lên.

D. AS nằm ngang khi $Y < Y_p$ và thẳng đứng khi $Y = Y_p$.

Giải thích:

Các nhà kinh tế học cổ điển cho rằng đường tổng cung (AS) hoàn toàn thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng (Y_p). Sự thay đổi của tổng cầu không làm thay đổi mức sản lượng cân bằng.

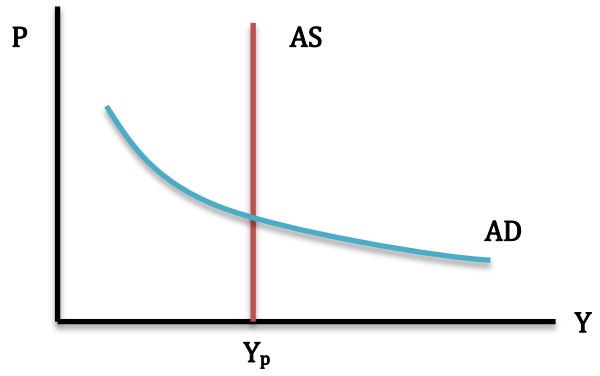

Câu 37: MPC là độ dốc của hàm tiêu dùng.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Hàm tiêu dùng:

$$C = C_o + C_m.Y_d$$

Trong đó, C_m là khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC).

Câu 38: Keynes giả sử rằng hàm tiêu dùng khá ổn định trong phân tích ngắn hạn.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Keynes giả sử rằng, trong phân tích ngắn hạn, hàm tiêu dùng có dạng một đường thẳng, tiêu dùng có quan hệ phụ thuộc đồng biến vào thu nhập khả dụng:

$$C = C_o + C_m.Y_d$$

Câu 39: Nếu MPC có trị số dương, MPS có trị số âm.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

MPC và MPS luôn lớn hơn 0 và nhỏ hơn 1.

Câu 40: Nếu tổng cầu và tổng cung cân bằng, đầu tư phải bằng tiết kiệm.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Nếu tổng cầu và tổng cung cân bằng:

$AS = AD$

$\leftrightarrow \quad C + I = C + S$

$\leftrightarrow \quad I = S$

Câu 41: Tác động của số nhân chỉ áp dụng đối với sự thay đổi trong đầu tư, không áp dụng nếu có sự thay đổi trong các yếu tố tự định khác.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Số nhân (k) là hệ số phản ánh mức thay đổi của sản lượng cân bằng (ΔY) khi tổng cầu tự định (ΔA_o) thay đổi 1 đơn vị. Mà $A_o = C_o + I_o$ nên tác động của số nhân còn áp dụng đối với sự thay đổi trong các yếu tố tự định.

Câu 42: MPC phản ánh sự thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi một đơn vị.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC) phản ánh sự thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi một đơn vị:

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

Câu 43: APC và MPC luôn luôn bằng nhau.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Khuynh hướng tiêu dùng trung bình:

$$APC = \frac{C}{Y_d}$$

Khuynh hướng tiêu dùng biên:

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

Nên APC chưa chắc đã bằng MPC.

Câu 44: Các hộ gia đình chỉ có thể tiêu dùng hoặc tiết kiệm trong số thu nhập khả dụng, nên tiêu dùng và tiết kiệm gộp lại đúng bằng thu nhập khả dụng.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Trong mô hình lý thuyết, thu nhập khả dụng (Y_d) được phẩn bổ cho tiêu dùng và tiết kiệm:

$$Y_d = C + S$$

Có những trường hợp $C > Y_d$ và $S < 0$, điều này thường đúng với những người đã nghỉ hưu, họ tiêu dùng vào tài sản hiện có hay tiền tiết kiệm hoặc những người kỳ vọng vào thu nhập cao hơn trong tương lai, nên vay tiền để tiêu dùng trong hiện tại. Tuy nhiên, đó cũng chính là số tiền họ tiết kiệm được trong quá khứ hoặc tiền tiêu dùng cho tương lai. Nên tựu chung:

$$Y_d = C + S$$

Câu 45: Mọi người sẵn sàng tiết kiệm nhiều hơn trong ngắn hạn thì đầu tư sẽ tăng và nền kinh tế sẽ có mức sản xuất cao hơn.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Khi mọi người gia tăng tiết kiệm (S↑) sẽ giảm tiêu dùng (C↓), do đó làm giảm tổng cầu - tổng chi tiêu (AD↓), vì thế sản lượng sẽ bị suy giảm (Y↓).

Câu 46: Sản lượng giảm dẫn đến chi tiêu giảm đi và sản lượng do vậy giảm đi nữa, nền kinh tế có thể theo vòng xoắn ốc suy giảm mãi:

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Thứ nhất, tiêu dùng chỉ có thể giảm đến một mức nào đó, bởi $C \geq C_o > 0$.

Thứ hai, nếu toàn bộ khoản tiết kiệm tăng lên được đưa vào đầu tư thì khoản sụt giảm của tổng cầu do tiêu dùng ít đi từ nguyên nhân tăng tiết kiệm sẽ được bù đắp. Tổng cầu không đổi, mức thu nhập và sản lượng quốc gia không đổi, nhưng mức tiết kiệm và đầu tư thực tế sẽ tăng lên.

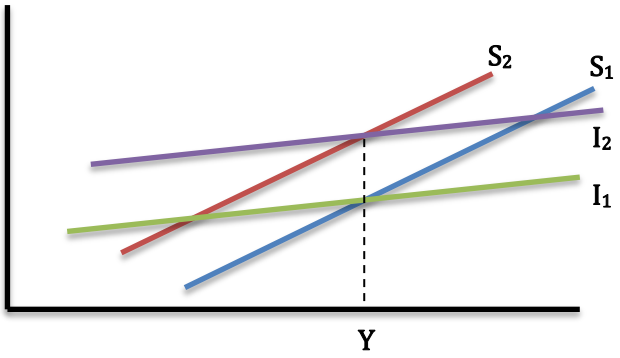

Câu 47: Kinh tế thị trường không bảo đảm rằng mức tiết kiệm và đầu tư bằng nhau, do đó chúng ta cần kế hoạch hóa tập trung.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Trong nền kinh tế thị trường, sản lượng thực tế luôn có xu hướng xoay quanh mức sản lượng cân bằng ($Y = Y_E$), do đó mức tiết kiệm (S) cũng luôn xấp xỉ với mức đầu tư (I).

Câu 48: Nhân tố chính nào là nhân tố chính ảnh hưởng đến tiêu dùng của hộ gia đình.

A. Thu nhập khả dụng.

B. Thu nhập dư toán.

C. Lãi suất.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến tiêu dùng của hộ gia đình (thu nhập khả dụng, lãi suất, tài sản,...) nhưng nhân tố chính ảnh hưởng đến tiêu dùng của hộ gia đình là thu nhập khả dụng.

Câu 49: Thu nhập khả dụng là phần thu nhập các hộ gia đình nhận được:

A. Sau khi đã nộp các khoản thuế cá nhân, bảo hiểm xã hội và nhận thêm các khoản chi chuyển nhượng của chính phủ.

B. Do cung ứng các yếu tố sản xuất.

C. sau khi đã trừ đi phần tiết kiệm.

D. Không câu nào đúng.

Giải thích:

Thu nhập khả dụng được tính bằng công thức:

$$Y_d = Y - T = Y - (T_x - T_r) = Y - (T_i + T_d - T_r)$$

**T_i: thuế gián thu, T_d: thuế trực thu, T_r: chi chuyển nhượng của chính phủ*

Câu 50: Thuật ngữ "tiết kiệm" được sử dụng trong phân tích kinh tế là:

A. Tiền sử dụng vào mục đích thanh toán khoản nợ đã vay.

B. Tiền mua bảo hiểm cá nhân, tiền mua cổ phiếu.

C. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Tiết kiệm là phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng:

$S = Y_d - C$

Câu 51: Tiêu dùng có mối quan hệ:

A. Nghịch chiều với thu nhập dự đoán.

B. Cùng chiều với thu nhập khả dụng.

C. Cùng chiều với lãi suất.

D. Các câu trên đều sai.

Giải thích:

Tiêu dùng có mối quan hệ cùng chiều với thu nhập khả dụng:

$C = C_o + C_m.Y_d$

Câu 52: Phát biểu nào sau đây *không đúng*:

A. Khi $Y_d = 0$ thì tiêu dùng vẫn là số dương.

B. $MPC + MPS = 1$

C. MPC không thể lớn hơn 1.

D. MPC và MPS luôn luôn trái dấu nhau.

Giải thích:

MPC và MPS luôn lớn hơn 0 và nhỏ hơn 1 ($0 < MPC, MPS < 1$).

Câu 53: Trong nền kinh tế đóng không có chính phủ, bắt đầu từ mức cân bằng, giả sử MPC bằng 0,6; tăng đầu tư tự định 30 tỷ thì sản lượng tăng thêm:

A. 30 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y bằng 0.

B. 75 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y bằng 0.

C. 150 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y khác 0.

D. Không câu nào đúng.

Giải thích:

Mức thay đổi của sản lượng:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o = k.\Delta AD = k.\Delta I$$

Mà:

$$k = \frac{1}{1 - C_m - I_m} = \frac{1}{1 - 0,6 - 0} = \frac{5}{2} \qquad (I_m = 0)$$

Vậy mức thay đổi của sản lượng:

$$\Delta Y = k.\Delta I = \frac{5}{2}.30 = 75 \text{ tỷ đồng}$$

Câu 54: Đầu tư theo kế hoạch là 100 tỷ đồng, Mọi người quyết định tiết kiệm một tỷ phần cao hơn trong thu nhập, cụ thể là hàm tiết kiệm thay đổi từ $S = 0,3Y$ đến $S = 0,5Y$. Khi đó:

A. Thu nhập cân bằng giảm.

B. Tiết kiệm thay đổi.

C. Tiết kiệm giảm.

D. Cả A và B đúng.

Giải thích:

Thu nhập cân bằng lúc đầu:

$$Y_1 = Y_{d1}$$

$$\leftrightarrow \quad S_1 = I$$

$$\leftrightarrow \quad 0,3Y_1 = 100$$

$$\leftrightarrow \quad Y_1 = \frac{1000}{3}$$

Thu nhập cân bằng lúc sau:

$$Y_2 = Y_{d2}$$

$$\leftrightarrow \quad S_2 = I$$

↔ $0,5Y_2 = 100$

↔ $Y_2 = 200$

Vậy $Y_{d1} = Y_1 > Y_2 = Y_{d2}$ nên thu nhập cân bằng giảm.

Câu 55: Trong một nền kinh tế đóng không có chính phủ, nếu nhu cầu đầu tư dự kiến là 400 tỷ đồng và hàm tiêu dùng $C = 100 - 0,8Y_d$ thì mức thu nhập cân bằng là:

A. 2500 tỷ đồng B. 1000 tỷ đồng

C. 2000 tỷ đồng D. Không có câu nào đúng.

Giải:

Từ hàm tiêu dùng $C = 100 - 0,8Y_d$ ta có được mối liên hệ với hàm tiết kiệm:

$S_o = -C_o = -100$ và $S_m = 1 - C_m = 1 - 0,8 = 0,2$

Vậy hàm tiết kiệm:

$S = -100 + 0,2Y_d$

Mức thu nhập cân bằng:

$Y = Y_d$

↔ $S = I$

↔ $-100 + 0,2Y_d = 400$

↔ $Y_d = 2500$ tỷ đồng

Câu 56: Trong "Lý thuyết tổng quát", Keynes liên kết mức nhân dụng với:

A. Thu nhập khả dụng.

B. Sản lượng.

C. Số giờ làm việc trong tuần.

D. Không có câu nào đúng.

Giải thích:

Trong "Lý thuyết tổng quát", Keynes liên kết mức nhân dụng với sản lượng:

$$\Delta Y = k.\Delta A_o$$

Câu 57: Khi tổng cung vượt tổng cầu, hiện tượng xảy ra ở các hãng là:

A. Tăng lợi nhuận.

B. Giảm hàng tồn kho.

C. Tăng hàng tồn kho.

D. Tồn kho không đổi và sản lượng sẽ giảm.

Giải thích:

Khi tổng cung vượt tổng cầu (AS > AD) thì hàng tồn kho thực tế lớn hơn hàng tồn kho dự kiến (tăng hàng tồn kho).

Câu 58: Mức sản lượng của nền kinh tế là 1500 tỷ đồng, tổng cầu là 1200 tỷ đồng và tỷ lệ thất nghiệp cao, có thể kết luận là:

A. Tỷ lệ thất nghiệp giảm.

B. Thu nhập sẽ cân bằng.

C. Thu nhập sẽ tăng.

D. Tỷ lệ thất nghiệp tăng.

Giải thích:

Ta có tổng cung vượt tổng cầu (AS = 1500 > AD = 1200) nên hàng tồn kho thực tế lớn hơn hàng tồn kho dự kiến khiến cho doanh nghiệp giảm đầu tư nhằm hạ mức sản lượng thực tế. Khi doanh nghiệp giảm đầu tư, tức là giảm sản xuất, vì thế tỷ lệ thất nghiệp tăng.

Câu 59: Keynes kết luận rằng giao điểm của tổng cầu và tổng cung:

A. Sẽ luôn là mức toàn dụng nhân công.

B. Sẽ không bao giờ là mức toàn dụng nhân công.

C. Không bao giờ là vị trí cân bằng.

D. Không nhất thiết là mức toàn dụng.

Giải thích:

Giao điểm của tổng cầu và tổng cung chỉ là điểm cân bằng sản lượng của thị trường ($Y = Y_E$). Điểm này sẽ chỉ là mức toàn dụng nhân công khi đây cũng chính là điểm tương ứng với mức sản lượng tiềm năng ($Y = Y_E = Y_p$).

Câu 60: Độ dốc đường AD là:

A. $\frac{\Delta AD}{\Delta Y}$

B. Khuynh hướng chi tiêu biên.

C. Có thể là khuynh hướng tiêu dùng biên + khuynh hướng đầu tư biên theo Y.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Hàm tổng cầu có dạng:

$$AD = A_o + A_m.Y$$

Trong đó độ dốc A_m chính là khuynh hướng chi tiêu biên:

$$A_m = \frac{\Delta AD}{\Delta Y} = C_m + I_m$$

Câu 61: Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư:

A. Lãi suất.

B. Lạm phát dự đoán.

C. Sản lượng quốc gia.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Đầu tư chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như lãi suất, sản lượng quốc gia, thuế, kỳ vọng của các nhà đầu tư, lạm phát dự đoán,...

Câu 62: Theo lý thuyết xác định của Keynes, nếu lượng tồn kho ngoài kế hoạch tăng thì tổng cầu dự kiến (tổng chi tiêu dự kiến) sẽ:

A. Nhỏ hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng.

B. Lớn hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng.

C. Nhỏ hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng.

D. Lớn hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng.

Giải thích:

Theo lý thuyết xác định của Keynes, nếu lượng tồn kho ngoài kế hoạch tăng (hàng tồn kho thực tế lớn hơn dự kiến) thì tổng cầu dự kiến sẽ nhỏ hơn sản lượng thực ($AS = Y > Y_E = AD$) và do đó, các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để đưa mức sản lượng thực về điểm sản lượng cân bằng.

Câu 63: Những người theo lý thuyết của J.M.Keynes cho rằng biên pháp đối phó với vấn đề suy thoái kinh tế hiện này là:

A. Chính phủ không nên can thiệp vào nền kinh tế.

B. Chính phủ nên kiểm soát giá cả.

C. Chính phủ nên sử dụng chính sách tiền tệ hơn là chính sách tài khóa.

D. Chính phú nên quản lý tổng cầu.

Giải thích:

Chủ nghĩa Keynes đề cao vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế vĩ mô, coi chính sách quản lý tổng cầu là phương pháp hữu hiệu để ổn định nền kinh tế vĩ mô và đạt được tăng trưởng kinh tế.

Câu 64: Trong mô hình Keynes, tín hiệu để giúp cho các nhà doanh nghiệp nhận biết có sự mất cân đối trên thị trường hàng hóa là dựa vào:

A. Sự thay đổi trong lượng hàng tồn kho.

B. Tiền lương thay đổi.

C. Lãi suất thay đổi.

D. Mức giá thay đổi.

Giải thích:

Cách thức để doanh nghiệp nhận ra sự mất cân đối giữa sản lượng thực tế và sản lượng cân bằng, mà các nhà kinh tế học theo chủ nghĩa Keynes đưa ra là nhìn vào hàng dự trữ (hay tồn kho) và đặc biệt là những thay đổi không dự kiến được trong hàng tồn kho.